

Số: 02/2020/QĐST-DS

Điện Biên Phủ, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Nhung;

Thư ký phiên họp: Bà Quàng Thị Thu;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh L - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại phòng họp Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ L số 05/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020; về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phạm Tố L; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường M, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật: bà Dương Thị Kim L - Chấp hành viên và là Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.2 Ông Đỗ Cao H (Chồng bà L); địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Cao H: Bà Phạm Tố L; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường M, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.3 Ông Phan Thanh T; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh T; bà Đinh Thị Thanh B; cùng địa chỉ trên - Có mặt;

2.4 Bà Đinh Thị Thanh B; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.5 Ông Lưu Huy Th; địa chỉ: Đội 4A, xã P, huyện Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.6 Ông Hà Lê Kiên T; địa chỉ: Số nhà 39A, tổ dân phố 06, phường T thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.7 Bà Lưu Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường N, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

2.8 Bà Lưu Thị Th; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường M, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt.

- *Nội dung yêu cầu*: Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản đối với xe ô tô hiệu TOYOTA biển kiểm soát 27A - 035.39 do Công an tỉnh Điện Biên cấp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Tại đơn yêu cầu ngày 21/3/2020 và quá trình giải quyết việc dân sự bà Phạm Tố L trình bày:

Ngày 28/11/2019 vợ chồng bà Phạm Tố L và ông Đỗ Cao H nhận chuyển nhượng xe ô tô hiệu TOYOTA biển kiểm soát 27A - 035.39 của vợ chồng ông Phan Thanh T và bà Đinh Thị Thanh B với giá 420.000.000 đồng. Cùng ngày hai bên lập Hợp đồng mua bán xe, hợp đồng này được công chứng tại phòng công chứng Điện Biên, số công chứng 949/2019, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2019. Trước đó xe ô tô nói trên được ông T và bà B thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện Đ để vay tiền. Bà L đã đưa cho ông T, bà B 320.000.000 đồng trả Ngân hàng để lấy giấy tờ xe ra và làm hợp đồng mua bán xe. Còn 100.000.000 đồng bà L trừ vào nợ của ông T, bà B với bà L, nên trong hợp đồng hai bên thỏa thuận ghi giá chuyển nhượng xe là 100.000.000 đồng.

Bà L đã nhận xe, nhưng xe đang trong tình trạng hỏng hóc, không đảm bảo lưu thông trên đường nên bà L phải đem đi để sửa, nhằm đảm bảo an toàn khi sử dụng xe. Đầu tháng 5 năm 2020 bà L đến phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Điện Biên để đăng ký quyền sở hữu xe thì được biết, ngày 14/02/2020 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ đã ban hành quyết định về việc tạm ngừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng đối với xe ô tô bà L đã mua, nên bà L không đăng ký quyền sở hữu xe được. Bà L có hỏi, thì anh T và chị B nói không được biết quyết định này. Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án xác định xe ô tô hiệu TOYOTA biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà L.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

2.1 Bà Dương Thị Kim L: Chi cục thi hành án dân sự đã có văn bản số 528/CCTHADS-NV ngày 02/6/2020 gửi cho Tòa án. Theo các quyết định thi hành án số 581/QĐ-CCTHADS và 582/QĐ-CCTHADS ngày 19/7/2020; số 587/QĐ-CCTHADS và 88/QĐ-CCTHADS ngày 30/10/2019 và số 387/QĐ-CCTHADS ngày 18/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ thì ông Phan Thanh T phải thi hành các khoản tiền sau: Trả cho bà Lưu Thị L 408.000.000 đồng và nộp 5.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; trả cho ông Lưu Huy Th 353.500.000 đồng và nộp 4.418.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; trả cho ông Hà Lê Kiên T 1.400.000.000 đồng và nộp 13.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; trả cho bà Lưu Thị Th 270.000.000 đồng và nộp 3.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục thi hành án dân sự đã tiến hành xác minh và xác định ông T, bà B có tài sản chung là xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39, đăng ký xe mang tên ông Phan Thanh T. Xe ô tô này ông T và bà B đã chuyển nhượng cho bà Phạm Tố L, hợp đồng chuyển nhượng xe được công chứng tại phòng công chứng Điện Biên, nhưng chưa đăng ký quyền sở hữu tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 14/02/2020, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ đã ban hành quyết định số 22/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng đối với xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 (*Như bản ảnh bà L cung cấp cho Tòa*) và thông báo cho ông T, bà B. Qua xác minh thực tế thì xe ô tô trên, ông T, bà B đã thế chấp để vay tiền tại Agribank chi nhánh huyện Điện Biên; bà L đã trả nợ thay cho ông T và bà B số tiền 319.397.261 đồng để lấy xe ô tô ra và thực hiện việc chuyển nhượng tại phòng công chứng Điện Biên. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của bà L theo quy định của pháp luật.

2.2 Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Cao H, bà Phạm Tố L: Ông H đồng ý với yêu cầu của bà L và không có ý kiến gì khác.

2.3 Ông Phan Thanh T và bà Đinh Thị B cùng có ý kiến: Ông T và bà B kết hôn năm 2014, xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 là tài sản chung của ông T và bà B. Ngày 28/11/2019 vợ chồng bà L, ông H nhận chuyển nhượng xe ô tô này của ông T, bà B với giá 420.000.000 đồng; hai bên có làm hợp đồng mua bán xe như bà L đã trình bày. Trước đó, ông T và bà B đã thế chấp xe để vay tiền Agribank chi nhánh huyện Điện Biên; bà L đã đưa 320.000.000 đồng để ông T, bà B trả nợ, còn lại 100.000.000 đồng trừ nợ của ông T, bà B với bà L. Khi bà L hỏi ông T, bà B về việc xe ô tô bà L mua bị Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ ban hành quyết định tạm ngừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng thì ông T, bà B mới biết. Ngày 30/3/2020 ông T và bà B nhận được thông báo số 407/CCTHADS-NV ngày 30/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự về việc xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 bị áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án cho các khoản tiền ông T nợ bà Th, bà L, ông T, ông Th. Ông T, bà B không nói cho bà L biết việc này.

Những khoản tiền nợ này là ông T nợ để kinh doanh riêng, nhưng không đăng ký kinh doanh; bà B không biết việc nợ tiền này, tiền nợ không sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Riêng khoản tiền 1.400.000.000 đồng ông T phải trả ông T theo hợp đồng đặt cọc ngày 22/5/2019, đây là khoản tiền nợ theo 03 giấy vay tiền giữa ông T và ông T; bà B viết hợp đồng đặt cọc nhưng không được nhận tiền; do không thỏa thuận được nên bà B chưa ký vào các tờ rời của hợp đồng và đã hủy đi, vì vậy hợp đồng đặt cọc ông T khởi kiện chỉ có chữ ký bà B ở một tờ A4 không có nội dung về tiền đặt cọc; cũng vì vậy ông T và ông T mới thỏa thuận chỉ có ông T trả tiền cho ông T.

Ông T và bà B đồng ý với yêu cầu của bà L về việc xác định xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà L.

2.3 Ông Lưu Huy Th và bà Lưu Thị L cùng có ý kiến: Khi ông Th và bà L cho ông T vay tiền thì xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 vẫn thuộc quyền sở hữu của ông T. Theo quyết định của Tòa án thì ông T phải trả cho ông Th 353.500.000 đồng, trả cho bà L 408.000.000 đồng. Những khoản nợ này bà B là vợ ông T cũng biết, nhưng do tin tưởng ông Th, bà L không yêu cầu bà B ký giấy vào giấy vay nên không có chứng cứ xuất trình cho Tòa án. Ông Th, bà L không đồng ý với yêu cầu của bà L về việc xác định xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà L.

2.4 Ông Hà Lê Kiên T: Ông T không đồng ý với yêu cầu của bà L về việc xác định xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà L. Xe ô tô này thuộc quyền sở hữu của ông T. Khi ông T vay tiền ông T, bà B cũng biết và cũng đồng ý trả nợ cho ông T. Số tiền 1.400.000.000 đồng tại hợp đồng đặt cọc được cộng từ ba giấy nợ giữa ông T và ông T trước đó, nên không giao tiền khi làm hợp đồng đặt cọc; bà B là người viết hợp đồng nên không thể không biết; các bên ký vào các tờ rời của hợp đồng là do chủ quan, tin tưởng nhau.

2.5 Bà Lưu Thị Th: Khoản tiền bà Th cho ông T vay bà B không biết. Bà Th đồng ý với yêu cầu của bà L; xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà L.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thu thập hợp pháp; Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Yêu cầu về việc xác định xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà Trần Tố L là có căn cứ theo các điều luật có liên quan của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu của bà Trần Tố L về việc xác định quyền sở hữu tài sản đối với xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39, bị Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 69 của luật thi hành án dân sự.

[2] Về việc thụ L yêu cầu: Ngày 21/5/2020 bà Phạm Tố L nộp cho Tòa án đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản đối với xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39; ngày 24/5/2020 bà L nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng lệ phí; ngày 25/5/2020 Tòa án đã thụ L yêu cầu của bà L theo Điều 363 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của bà Phạm Tố L:

Xe ô tô biển kiểm soát 27A - 035.39 (*Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 09/9/2017 của Công an tỉnh Điện Biên*) là tài sản chung của ông Phan Thanh T và bà Đinh Thị Thanh B có trong thời kỳ hôn nhân; ông T và bà B có quyền ngang nhau về tài sản này theo Điều 29 LHN &GD. Ngày 28/11/2019 ông T và bà B đã ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô cho bà Phạm Tố L theo Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình; hợp đồng được công chứng tại phòng công chứng Điện Biên, đảm bảo theo Điều 430 BLDS và có hiệu lực pháp luật theo Điều 401 BLDS. Bà L đã nhận xe để sửa chữa, sử dụng từ đó đến nay mà không biết việc ông T đang phải thi hành các quyết định của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Việc chuyển nhượng xe được thực hiện trước ngày Chi cục thi hành án dân sự ban hành quyết định về việc tạm ngừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng đối với xe ô tô. Bà L chỉ được biết việc này khi đi đăng ký sở hữu xe. Quyền sử dụng xe ô tô 27A - 035.39 của ông T, bà B đã chấm dứt theo khoản 1 Điều 237 BLDS. Trước khi chuyển nhượng xe cho bà L, ông T và bà B đã thế chấp xe ô tô nói trên để vay tiền Ngân hàng; ông T và bà B đã nhận tiền của bà L, trả nợ Ngân hàng và giải chấp xe trước khi nhận chuyển nhượng cho bà L. Mặt khác, khoản nợ của ông T phải trả cho ông T, bà Th, bà L và ông Th không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T, bà B nên bà B không có nghĩa vụ phải trả theo khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xác định xe ô tô 27A - 035.39 thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Tố L theo khoản 2 Điều 221 và Điều 223 BLDS.

Bà Phạm Tố L phải chịu lệ phí giải quyết yêu cầu theo Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 69 của Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Điều 29, Điều 35 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 221, Điều 223, Điều 430 và Điều 401 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 149 BLTTDS; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Phạm Tố L về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản. Tuyên bố Xe ô tô hiệu TOYOTA biển kiểm soát 27A - 035.39 do Công an tỉnh Điện Biên cấp thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Tố L.

2. Lệ phí: Bà Phạm Tố L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000083 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- CCTHADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Kế toán;
- Lưu Văn Phòng;

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Thị Nhung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ L giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ L việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ L giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm.....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ
TỌA PHIÊN HỢP**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)”*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
PHIÊN HỢP SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tòa án nhân dân mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ L số: 09/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc: Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

I. Những người tiến hành tố tụng

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Nhung

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hời - Kiểm sát viên.

II. Những người tham gia phiên họp

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lê Thanh Huyền; địa chỉ: Số nhà 105, tổ dân phố 21, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Dương Quỳnh; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 117b, tổ dân phố 06, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên họp

- Thư ký phiên họp báo cáo Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp. Tại phiên họp có mặt bà Huyền, vắng mặt ông Quỳnh

- Thẩm phán Chủ tọa phiên họp khai mạc phiên họp, kiểm tra về sự có mặt, vắng mặt của người được triệu tập tham gia phiên họp và căn cước của họ, giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia phiên họp.

IV. Phần nội dung phiên họp

1. Người yêu cầu trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết, L do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thanh Huyền và ông Nguyễn Dương Quỳnh đã ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 36/2013/QĐST- HNGĐ ngày 04/02/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi ly hôn ông Quỳnh không thăm nom con, không cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án; đã lấy vợ khác và cư trú tại số nhà 117b, tổ dân phố 06, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Huyền đã yêu cầu thi hành án khoản tiền ông Quỳnh phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng gia đình ông Quỳnh đã chuyển đi nơi khác năm 2016, bà Huyền không biết ông Quỳnh đi đâu. Bà Huyền đã tìm hiểu địa chỉ ông Quỳnh qua gia đình ông Quỳnh nhưng không có kết quả. Ông Quỳnh không về quê, cũng không ở địa chỉ cũ khi ly hôn. Vì vậy, bà Huyền yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Quỳnh.

2. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự: Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của bà Huyền đối với ông Quỳnh là có căn cứ theo Điều 64 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Hội đồng giải quyết việc dân sự xem xét các tài liệu, chứng cứ và ra quyết định giải quyết dân sự.

Chủ tọa phiên họp công bố toàn văn Quyết định giải quyết việc dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 370, Điều 371, Điều 372 và Điều 383 BLTTDS;

- Căn cứ Điều 64 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 149 BLTTDS; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thanh Huyền về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

2. Ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Dương Quỳnh; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 117b, tổ dân phố 06, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Lệ phí: Bà Lê Thanh Huyền phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002399 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; nếu những người này vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia phiên họp: Không.

Phiên họp kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 8 năm 2019.

THƯ KÝ PHIÊN HỌP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 21-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội);

nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ L việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ L giải quyết.

(3) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không ghi nội dung này.

(4) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(5) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(6) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1 : Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Th Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(8) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (5).

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng (nếu có).

(12) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch (nếu có). Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(13) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định (nếu có). Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(14) Cần ghi rõ trường hợp khi có người tham gia vắng mặt tại phiên họp (mà không thuộc trường hợp phải hoãn phiên họp) thì Chủ tọa phiên họp phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên họp hay không; nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì nêu rõ L do và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.

(15) Ghi các câu hỏi và trả lời của những người tham gia phiên họp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia phiên họp hoặc những người đại diện hợp pháp của họ.

(16) Ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên, những người tham gia phiên họp: những vấn đề được ghi trong biên bản phiên họp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung và những sửa đổi, bổ sung cụ thể; nếu có nhiều người yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ghi thứ tự từng người một; người có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận.